

Số: /QĐ-GDDT

Thủy Nguyên, ngày tháng 11 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công nhận học sinh đạt giải Kỳ thi chọn học sinh giỏi huyện cấp THCS năm học 2024 - 2025

#### TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN THỦY NGUYÊN

Căn cứ Nghị định 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục của Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc ủy ban nhân dân huyện;

Căn cứ Kế hoạch số 46/KH-GDDT ngày 10/9/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức Kỳ thi học sinh giỏi huyện cấp trung học cơ sở năm học 2024-2025;

Căn cứ kết quả của Hội đồng chấm thi chọn học sinh giỏi huyện cấp THCS năm học 2024-2025;

Theo đề nghị của Phó trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận 577 học sinh đạt giải trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện năm học 2024 - 2025.

(Danh sách kèm theo)

**Điều 2.** Học sinh có tên trong danh sách được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Thủy Nguyên cấp Giấy chứng nhận học sinh giỏi cấp huyện năm học 2024-2025 và được hưởng chế độ, quyền lợi theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) tổ trung học cơ sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo; Hiệu trưởng các trường trung học cơ sở và học sinh có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;

- Lưu: VT.

**TRƯỞNG PHÒNG**

**Nguyễn Văn Năng**

**DANH SÁCH**  
**HỌC SINH ĐẠT GIẢI KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN - NĂM HỌC 2024-2025**  
(Ban hành kèm Quyết định số:       /QĐ-GDDT, ngày        tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

STT	TT	Họ và tên	Số BD	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	LT	TH	Điểm tổng	Xếp giải	Ghi chú
1	1	Trần Linh Chi	61	8A3	20/02/2011	Mỹ thuật	Lê Ích Mộc	8.50	18.00	26.50	Nhất	
2	2	Nguyễn Thị Kim Ngân	93	9A1	07/08/2010	Mỹ thuật	Thủy Đường	8.50	18.00	26.50	Nhất	
3	3	Phạm Ngọc Thanh Hà	71	9A3	23/04/2010	Mỹ thuật	Phục Lễ	8.00	18.00	26.00	Nhất	
4	4	Đình Thị Bảo Hân	73	9A1	07/07/2010	Mỹ thuật	Phục Lễ	8.50	17.00	25.50	Nhì	
5	5	Đặng Thị Thanh Hà	70	8A	16/09/2011	Mỹ thuật	Cao Nhân	8.50	16.50	25.00	Nhì	
6	6	Nguyễn Thị Hải Yến	114	9A2	01/9/2010	Mỹ thuật	Thiên Hương	7.50	17.00	24.50	Nhì	
7	7	Nguyễn Thị Như Ngọc	95	8A4	13/9/2011	Mỹ thuật	Hòa Bình	8.00	16.00	24.00	Nhì	
8	8	Đình Thị Hà Phương	100	9A4	27/03/2010	Mỹ thuật	Lập Lễ	7.00	17.00	24.00	Nhì	
9	9	Phạm Hồng Ngân	92	9A3	05/05/2010	Mỹ thuật	Phục Lễ	8.00	15.00	23.00	Nhì	
10	10	Đào Thị Mai Chi	59	9A1	08/10/2010	Mỹ thuật	Hoa Động	5.50	17.00	22.50	Nhì	
11	11	Nguyễn Mai Lan	77	7B3	04/12/2012	Mỹ thuật	Liên Khê	8.50	14.00	22.50	Nhì	
12	12	Nguyễn Diệu Linh	78	7B1	19/11/2012	Mỹ thuật	Liên Khê	8.50	14.00	22.50	Nhì	
13	13	Vũ Thị Thiên Ngọc	96	9A4	09/05/2010	Mỹ thuật	Lập Lễ	6.50	16.00	22.50	Nhì	
14	14	Hoàng Minh Chiến	62	9A5	01/06/2010	Mỹ thuật	Trần Hưng Đạo	8.00	14.00	22.00	Ba	
15	15	Nguyễn Thị Ánh Diệp	65	8A5	11/03/2011	Mỹ thuật	Lại Xuân	8.00	14.00	22.00	Ba	
16	16	Phạm Quỳnh Trang	107	8A1	21/09/2011	Mỹ thuật	Lâm Động	7.00	15.00	22.00	Ba	
17	17	Hoàng Yến Trang	108	9A1	22/6/2010	Mỹ thuật	Thiên Hương	5.00	17.00	22.00	Ba	
18	18	Đồ Thị Trâm Anh	53	8A	24/06/2011	Mỹ thuật	Cao Nhân	6.50	15.00	21.50	Ba	

STT	TT	Họ và tên	Số BD	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	LT	TH	Điểm tổng	Xếp giải	Ghi chú
19	19	Vũ Nhân Ngọc Bảo	57	9A1	13/08/2010	Mỹ thuật	Trần Nhật Duật	7.50	14.00	21.50	Ba	
20	20	Cao Thị Quỳnh Chi	60	8A1	06/09/2011	Mỹ thuật	Hợp Thành	7.50	14.00	21.50	Ba	
21	21	Phạm Thị Minh Hằng	74	9A1	17/02/2010	Mỹ thuật	Lâm Động	5.50	16.00	21.50	Ba	
22	22	Bùi Thị Ngọc An Na	91	8A2	16/01/2011	Mỹ thuật	Lê Ích Mộc	6.50	15.00	21.50	Ba	
23	23	Nguyễn Bảo Thư	105	9A1	11/10/2010	Mỹ thuật	Mỹ Đồng	7.00	14.00	21.00	Ba	
24	24	Đỗ Nguyễn Gia Uyên	110	8A2	26/4/2011	Mỹ thuật	Lê Ích Mộc	6.00	15.00	21.00	Ba	
25	25	Đinh Thị Trà My	90	7A	21/02/2012	Mỹ thuật	Phả Lễ	6.50	14.00	20.50	Ba	
26	26	Lê Mai Anh	54	9A2	30/04/2010	Mỹ thuật	Hoa Động	5.00	15.00	20.00	Khuyến khích	
27	27	Phạm Thị Yến Dung	66	8A2	19/07/2011	Mỹ thuật	Trần Nhật Duật	6.00	14.00	20.00	Khuyến khích	
28	28	Nguyễn Hà Phương	98	7A1	18/01/2012	Mỹ thuật	Kiên Bái	6.00	14.00	20.00	Khuyến khích	
29	29	Nguyễn Lương Quyết	102	9A4	21/03/2010	Mỹ thuật	Trần Hưng Đạo	5.50	14.00	19.50	Khuyến khích	
30	30	Dương Cẩm Tú	109	8A1	24/03/2011	Mỹ thuật	Minh Đức	7.50	12.00	19.50	Khuyến khích	
31	31	Cao Bảo Châu	58	9A	01/09/2010	Mỹ thuật	Minh Tân	7.00	12.00	19.00	Khuyến khích	
32	32	Vũ Thị Thủy Dương	67	8A3	02/03/2011	Mỹ thuật	Quảng Thanh	7.00	12.00	19.00	Khuyến khích	
33	33	Vũ Thị Hân	72	9A1	16/06/2010	Mỹ thuật	Kiên Bái	8.00	11.00	19.00	Khuyến khích	
34	34	Đỗ Trà My	89	7A1	01/04/2012	Mỹ thuật	Ngũ Lão	5.00	14.00	19.00	Khuyến khích	
35	35	Đặng Hà Anh	55	9A1	29/4/2010	Mỹ thuật	Minh Đức	7.50	11.00	18.50	Khuyến khích	
36	36	Đoàn Hồng Diệp	64	9A3	03/08/2010	Mỹ thuật	Hoàng Động	4.50	14.00	18.50	Khuyến khích	
37	37	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	75	9A5	07/10/2010	Mỹ thuật	Trần Hưng Đạo	7.50	11.00	18.50	Khuyến khích	
38	38	Định Thị Hương Giang	69	9A4	11/03/2010	Mỹ thuật	Quảng Thanh	6.50	12.00	18.50	Khuyến khích	
39	39	Nguyễn Khánh Linh	85	9A2	13/09/2010	Mỹ thuật	Thủy Đường	7.50	11.00	18.50	Khuyến khích	

STT	TT	Họ và tên	Số BD	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	LT	TH	Điểm tổng	Xếp giải	Ghi chú
40	40	Phạm Thị Minh Ngọc	94	7B1	22/08/2012	Mỹ thuật	Liên Khê	6.50	12.00	18.50	Khuyến khích	
41	1	Trần Thị Minh Giang	18	9A1	09/06/2010	Âm nhạc	Nguyễn Văn Cừ	9.00	17.00	26.00	Nhất	
42	2	Đình Đoàn Lan Anh	5	8A5	12/03/2011	Âm nhạc	Lập Lễ	9.50	16.00	25.50	Nhất	
43	3	Nguyễn Hồ Minh Anh	2	9A3	06/01/2010	Âm nhạc	Hoàng Động	6.00	19.00	25.00	Nhì	
44	4	Đàm Việt Dũng	13	9A1	5/9/2010	Âm nhạc	Lâm Động	7.50	17.50	25.00	Nhì	
45	5	Trịnh Thị Kiều Anh	3	9A1	07/02/2010	Âm nhạc	Hợp Thành	9.50	15.00	24.50	Nhì	
46	6	Lê Thuỳ Dương	14	8A4	11/05/2011	Âm nhạc	Phan Chu Trinh	8.00	16.50	24.50	Nhì	
47	7	Nguyễn Kim Ngân	36	9A1	07/02/2010	Âm nhạc	Hòa Bình	8.50	16.00	24.50	Nhì	
48	8	Vũ Bảo Ngọc	39	8A2	23/10/2011	Âm nhạc	Kỳ Sơn	8.00	16.50	24.50	Nhì	
49	9	Nguyễn Phương Uyên	47	9A1	20/7/2010	Âm nhạc	Lâm Động	7.50	16.50	24.00	Nhì	
50	10	Nguyễn Vân Anh	7	9A	13/09/2010	Âm nhạc	Tân Dương	7.00	16.50	23.50	Ba	
51	11	Nguyễn Hồng Dung	12	8A4	01/08/2011	Âm nhạc	Nguyễn Văn Cừ	7.50	16.00	23.50	Ba	
52	12	Vũ Hoàng Bảo Ngọc	38	8A1	03/04/2011	Âm nhạc	Kiên Bái	7.00	16.50	23.50	Ba	
53	13	Đặng Thị Kim Dung	11	8A1	30/10/2011	Âm nhạc	Hoa Động	8.00	15.00	23.00	Ba	
54	14	Đỗ Thị Ngọc Linh	30	9C	20/08/2010	Âm nhạc	Minh Tân	7.00	16.00	23.00	Ba	
55	15	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	46	9A4	05/05/2010	Âm nhạc	Phan Chu Trinh	7.00	16.00	23.00	Ba	
56	16	ĐỖ Hà Hải Yến	51	9A1	07/05/2010	Âm nhạc	Trần Hưng Đạo	8.50	14.00	22.50	Ba	
57	17	Trần Thị Bảo Châu	9	8A6	13/02/2011	Âm nhạc	An Lư	5.50	16.50	22.00	Ba	
58	18	Nguyễn Trần Thảo Khanh	23	8A1	30/07/2011	Âm nhạc	Lưu Kiếm	8.00	14.00	22.00	Ba	
59	19	Nguyễn Phương Vy	48	8A1	11/08/2011	Âm nhạc	Kỳ Sơn	7.50	14.50	22.00	Ba	

STT	TT	Họ và tên	Số BD	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	LT	TH	Điểm tổng	Xếp giải	Ghi chú
60	20	Phạm Hương Giang	16	9A1	29/6/2010	Âm nhạc	Hòa Bình	6.50	15.00	21.50	Ba	
61	21	Vũ Ngọc Anh	4	7A6	13/06/2013	Âm nhạc	Lập Lễ	9.00	12.50	21.50	Ba	
62	22	Nguyễn Ngọc Thùy Dương	15	9A3	30/06/2010	Âm nhạc	Thủy Đường	5.00	16.00	21.00	Khuyến khích	
63	23	Đoàn Minh Hoàng	20	8A1	02/08/2011	Âm nhạc	Ngũ Lão	8.00	13.00	21.00	Khuyến khích	
64	24	Nguyễn Viên Nguyệt	41	9A1	31/03/2010	Âm nhạc	Chính Mỹ	5.00	16.00	21.00	Khuyến khích	
65	25	Đoàn Quốc Hưng	21	9A2	10/01/2010	Âm nhạc	Hoàng Động	4.00	16.50	20.50	Khuyến khích	
66	26	Bùi Thùy Lâm	25	8A1	23/09/2011	Âm nhạc	Kỳ Sơn	8.50	12.00	20.50	Khuyến khích	
67	27	Phạm Hà Linh	28	8A2	20/7/2011	Âm nhạc	Lê Ích Mộc	7.50	13.00	20.50	Khuyến khích	
68	28	Phạm Minh Nga	35	8A1	20/07/2011	Âm nhạc	Thiên Hương	5.50	15.00	20.50	Khuyến khích	
69	29	Bùi Phan Thiên Ý	49	7A1	18/07/2012	Âm nhạc	Hợp Thành	7.00	13.50	20.50	Khuyến khích	
70	30	Phạm Vũ Diệp An	1	8A1	04/01/2011	Âm nhạc	Minh Đức	7.00	13.00	20.00	Khuyến khích	
71	31	Đinh Thị Hương Giang	17	9A3	20/07/2010	Âm nhạc	Hoàng Động	4.00	16.00	20.00	Khuyến khích	
72	32	Lê Thị Diệu Linh	29	8A1	17/08/2011	Âm nhạc	Minh Đức	8.00	12.00	20.00	Khuyến khích	
73	33	Nguyễn Thị Thuý Quỳnh	43	9A1	31/03/2010	Âm nhạc	Dương Quan	8.00	12.00	20.00	Khuyến khích	
74	1	Phạm Gia Phú	151	9A1	24/03/2010	Công nghệ	Dương Quan	8.80	19.50	28.30	Nhất	
75	2	Nguyễn Hữu San	156	9A6	07/05/2010	Công nghệ	Nguyễn Văn Cừ	8.80	19.25	28.05	Nhất	
76	3	Đào Duy Thành Công	123	9A	06/09/2010	Công nghệ	Tân Dương	8.45	19.25	27.70	Nhất	
77	4	Bùi Anh Tuấn	164	9A	19/03/2010	Công nghệ	Tân Dương	9.30	18.00	27.30	Nhì	
78	5	Lê Hoàng Nam	145	9A1	27/01/2009	Công nghệ	Dương Quan	8.80	18.00	26.80	Nhì	
79	6	Nguyễn Hoàng Anh	118	9A	05/09/2010	Công nghệ	Tân Dương	8.45	18.25	26.70	Nhì	
80	7	Nguyễn Văn Hoàng	152	9A6	06/08/2010	Công nghệ	Nguyễn Văn	7.45	18.25	25.70	Nhì	

STT	TT	Họ và tên	Số BD	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	LT	TH	Điểm tổng	Xếp giải	Ghi chú
		Phúc					Cừ					
81	8	Đông Tuấn Anh	115	9A1	22/10/2010	Công nghệ	Lâm Động	8.65	17.00	25.65	Nhì	
82	9	Nguyễn Bùi An Khánh	131	9A1	28/01/2010	Công nghệ	Dương Quan	7.80	17.75	25.55	Nhì	
83	10	Nguyễn Hoàng Bách	119	9A1	17/10/2010	Công nghệ	Hoa Động	9.15	16.25	25.40	Nhì	
84	11	Nguyễn Đăng Khánh	132	9A1	03/08/2010	Công nghệ	Hoa Động	9.65	15.75	25.40	Nhì	
85	12	Trịnh Hải Quân	153	9A4	31/01/2010	Công nghệ	Hòa Bình	8.30	16.75	25.05	Ba	
86	13	Trần Quang Vũ	168	9A3	05/10/2010	Công nghệ	Hoàng Động	7.15	17.75	24.90	Ba	
87	14	Trịnh Ánh Sang	157	9A4	12/06/2010	Công nghệ	Hòa Bình	6.75	18.00	24.75	Ba	
88	15	Nguyễn Minh Dương	128	9A6	01/12/2010	Công nghệ	An Lư	8.30	16.00	24.30	Ba	
89	16	Phạm Đức Tuyển	165	9A6	11/01/2010	Công nghệ	An Lư	9.30	14.75	24.05	Ba	
90	17	Bùi Việt Đức	125	9A1	22/11/2010	Công nghệ	Lê Ích Mộc	6.00	18.00	24.00	Ba	
91	18	Đình Văn Nam	146	9A2	04/02/2010	Công nghệ	Dương Quan	8.30	15.25	23.55	Ba	
92	19	Nguyễn Tiến Huy	130	9A2	07/01/2010	Công nghệ	Hoàng Động	7.70	15.75	23.45	Ba	
93	20	Đỗ Anh Kiệt	137	9A1	06/08/2010	Công nghệ	Chính Mỹ	7.90	15.50	23.40	Ba	
94	21	Nguyễn Đăng Khôi	135	9A1	26/06/2010	Công nghệ	Lâm Động	8.30	15.00	23.30	Ba	
95	22	Trịnh Hữu Đạt	124	8C2	17/06/2011	Công nghệ	Liên Khê	7.35	15.75	23.10	Ba	
96	23	Trần Việt Dũng	126	9A6	05/08/2010	Công nghệ	Nguyễn Văn Cừ	6.25	16.75	23.00	Khuyến khích	
97	24	Phạm Văn Khánh	134	9A2	22/07/2010	Công nghệ	Lưu Kiếm	8.55	14.25	22.80	Khuyến khích	
98	25	Vũ Trọng Tú	163	9A	04/03/2010	Công nghệ	Minh Tân	6.50	16.25	22.75	Khuyến khích	
99	26	Đoàn Hoàng Hải Sơn	158	9A2	19/07/2010	Công nghệ	Hoàng Động	7.85	14.75	22.60	Khuyến khích	
100	27	Phạm Công Vinh	167	9A1	18/01/2010	Công nghệ	Ngũ Lão	7.95	14.50	22.45	Khuyến khích	

STT	TT	Họ và tên	Số BD	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	LT	TH	Điểm tổng	Xếp giải	Ghi chú
101	28	Nguyễn Xuân Quyết	155	9A1	21/03/2010	Công nghệ	Thủy Đường	7.10	15.25	22.35	Khuyến khích	
102	29	Đỗ Khắc Lâm	140	9A1	12/05/2010	Công nghệ	Trần Hưng Đạo	7.55	14.00	21.55	Khuyến khích	
103	30	Đoàn Đăng Dương	129	8C4	26/12/2011	Công nghệ	Liên Khê	6.50	14.25	20.75	Khuyến khích	
104	31	Phạm Hữu Khánh	133	9A2	16/08/2010	Công nghệ	Lưu Kiếm	7.70	13.00	20.70	Khuyến khích	
105	32	Nguyễn Hoàng Tuấn Minh	143	9A1	22/04/2010	Công nghệ	Mỹ Đồng	7.70	13.00	20.70	Khuyến khích	
106	33	Phạm Anh Dũng	127	9A1	29/05/2010	Công nghệ	Trần Hưng Đạo	6.85	13.75	20.60	Khuyến khích	
107	1	Nguyễn Đức Dương	180	9A1	12/04/2010	Tin lập trình	Lưu Kiếm			27.90	Nhất	
108	2	Doãn Hoàng Long	197	8A1	05/01/2011	Tin lập trình	Lê Ích Mộc			27.00	Nhất	
109	3	Phạm Thị Yên Nhi	209	9A1	01/09/2010	Tin lập trình	Lưu Kiếm			25.00	Nhất	
110	4	Đình Đại Quang	216	8A5	10/04/2011	Tin lập trình	Lập Lễ			24.80	Nhì	
111	5	Đào Nguyên Khôi	194	9A1	08/01/2010	Tin lập trình	Lưu Kiếm			23.50	Nhì	
112	6	Nguyễn Sỹ Thành Luân	198	8A1	27/07/2011	Tin lập trình	Quảng Thanh			22.50	Nhì	
113	7	Nguyễn Việt Thăng	219	9A6	05/01/2010	Tin lập trình	An Lư			22.10	Nhì	
114	8	Vũ Bảo Ngọc	203	9A1	30/11/2010	Tin lập trình	Chính Mỹ			21.70	Nhì	
115	9	Nguyễn Đức Nguyên	206	9A1	01/09/2010	Tin lập trình	Lưu Kiếm			21.70	Nhì	
116	10	Vũ Mạnh Nguyên	207	9A5	11/02/2010	Tin lập trình	Trần Hưng Đạo			21.70	Nhì	
117	11	Phạm Minh Đức	176	9A1	06/01/2010	Tin lập trình	Lưu Kiếm			19.80	Nhì	
118	12	Đoàn Hưng Phát	210	8A4	27/3/2011	Tin lập trình	Hòa Bình			19.60	Nhì	
119	13	Vũ Quốc Dũng	178	8A	03/08/2011	Tin lập trình	Tam Hưng			19.60	Nhì	
120	14	Lê Minh Phụng	213	9A1	23/05/2010	Tin lập trình	Quảng Thanh			18.00	Ba	
121	15	Đình Thị Thục Quyên	217	9A1	18/04/2010	Tin lập trình	Quảng Thanh			18.00	Ba	

STT	TT	Họ và tên	Số BD	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	LT	TH	Điểm tổng	Xếp giải	Ghi chú
122	16	Phạm Minh Hiếu	187	9A1	22/04/2010	Tin lập trình	Lưu Kiếm			17.60	Ba	
123	17	Nguyễn Văn Quyết	218	8A2	27/01/2011	Tin lập trình	Kỳ Sơn			17.60	Ba	
124	18	Doãn Nam Phong	211	9A1	27/08/2010	Tin lập trình	Hợp Thành			17.50	Ba	
125	19	Bùi Doãn Tuấn Anh	171	9A1	08/11/2010	Tin lập trình	Lưu Kiếm			17.20	Ba	
126	20	Hoàng Thái Bảo	173	9A6	13/07/2010	Tin lập trình	An Lư			17.20	Ba	
127	21	Bùi Đình Trọng Minh	199	9A6	26/03/2010	Tin lập trình	An Lư			17.20	Ba	
128	22	Lê Đức Thuận	220	9A1	17/03/2010	Tin lập trình	Lưu Kiếm			17.20	Ba	
129	23	Đỗ Xuân Tình	221	7A1	01/01/2012	Tin lập trình	Kiên Bái			16.80	Ba	
130	24	Nguyễn Đắc Việt	225	9A1	12/03/2010	Tin lập trình	Thiên Hương			16.80	Ba	
131	25	Nguyễn Đăng Huy	192	8A1	27/06/2011	Tin lập trình	Quảng Thanh			16.45	Khuyến khích	
132	26	Vũ Trung Hiếu	186	9A2	07/09/2010	Tin lập trình	Hoa Động			15.70	Khuyến khích	
133	27	Đỗ Minh Quân	214	8A5	30/8/2011	Tin lập trình	Hòa Bình			15.70	Khuyến khích	
134	28	Nguyễn Trọng Phú	212	9A6	14/05/2010	Tin lập trình	An Lư			15.70	Khuyến khích	
135	29	Nguyễn Lê Hải Anh	170	9A1	30/7/2010	Tin lập trình	Lê Ích Mộc			14.00	Khuyến khích	
136	30	Mạc Thùy Giang	183	9A1	31/01/2010	Tin lập trình	Hợp Thành			13.90	Khuyến khích	
137	31	Mạc Ngọc Bích	174	8A4	03/05/2011	Tin lập trình	Lại Xuân			13.45	Khuyến khích	
138	32	Nguyễn Duy Hoàng	189	8A4	27/03/2011	Tin lập trình	Lại Xuân			13.45	Khuyến khích	
139	33	Bùi Thị Quỳnh Anh	169	8A1	14/12/2011	Tin lập trình	Hợp Thành			13.00	Khuyến khích	
140	34	Nguyễn Minh Dũng	179	9A1	06/03/2010	Tin lập trình	Trần Nhật Duật			13.00	Khuyến khích	
141	35	Đỗ Vũ Quân	215	8A1	09/08/2011	Tin lập trình	Quảng Thanh			13.00	Khuyến khích	
142	36	Bùi Xuân Cường	175	8A1	21/01/2011	Tin lập trình	Kỳ Sơn			11.60	Khuyến khích	

STT	TT	Họ và tên	Số BD	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	LT	TH	Điểm tổng	Xếp giải	Ghi chú
143	1	Phạm Gia Huy	619	9A2	07/11/2010	Toán	Lê Ích Mộc			9.00	Nhất	
144	2	Bùi Tiến Đông	596	9A1	15/01/2010	Toán	Quảng Thanh			8.75	Nhất	
145	3	Nguyễn Việt Thăng	658	9A6	05/01/2010	Toán	An Lư			8.50	Nhất	
146	4	Lê Mạnh Dũng	601	9A2	07/02/2010	Toán	Lê Ích Mộc			8.25	Nhất	
147	5	Nguyễn Thế Long	634	9A1	23/08/2010	Toán	Kiên Bái			8.25	Nhất	
148	6	Trần Tiến Mạnh	636	9A1	10/08/2010	Toán	Quảng Thanh			8.25	Nhất	
149	7	Trần Thị Anh Ngọc	642	9A1	25/06/2010	Toán	Lê Ích Mộc			8.25	Nhất	
150	8	Hoàng Thái Bảo	590	9A6	13/07/2010	Toán	An Lư			8.00	Nhì	
151	9	Vũ Thành Công	592	9A3	12/04/2010	Toán	Hoàng Động			8.00	Nhì	
152	10	Đỗ Xuân Thiết	661	9A2	30/01/2010	Toán	Lê Ích Mộc			8.00	Nhì	
153	11	Lê Nguyễn Anh Đạt	595	9A7	13/01/2010	Toán	Lê Ích Mộc			7.75	Nhì	
154	12	Trần Thùy Linh	631	9A1	04/06/2010	Toán	Dương Quan			7.75	Nhì	
155	13	Bùi Đình Trọng Minh	637	9A6	26/03/2010	Toán	An Lư			7.75	Nhì	
156	14	Phạm Tô Thành	659	9A4	17/11/2010	Toán	Lập Lễ			7.75	Nhì	
157	15	Nguyễn Thị Bích Vân	679	9A3	30/01/2010	Toán	Hoàng Động			7.50	Nhì	
158	16	Đỗ Nguyễn Gia Bảo	591	9A4	20/01/2010	Toán	Lại Xuân			7.25	Nhì	
159	17	Nguyễn Thu Dung	599	9A3	13/11/2010	Toán	Hoàng Động			7.25	Nhì	
160	18	Vũ Bá Nhật Huy	620	9A1	09/09/2010	Toán	Lê Ích Mộc			7.25	Nhì	
161	19	Nguyễn Đắc Quốc	654	9D1	12/03/2010	Toán	Liên Khê			7.25	Nhì	
162	20	Nguyễn Đức Dương	602	9A1	12/04/2010	Toán	Lưu Kiếm			7.00	Nhì	
163	21	Hoàng Văn Hiến	605	9A2	09/03/2010	Toán	Lê Ích Mộc			7.00	Nhì	

STT	TT	Họ và tên	Số BD	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	LT	TH	Điểm tổng	Xếp giải	Ghi chú
164	22	Nguyễn Duy Khánh	622	9A4	21/09/2010	Toán	Lại Xuân			7.00	Nhì	
165	23	Phạm Khánh Lâm	628	9A1	29/12/2010	Toán	Lê Ích Mộc			7.00	Nhì	
166	24	Lê Đức Minh	640	9A1	06/10/2010	Toán	Nguyễn Văn Cừ			7.00	Nhì	
167	25	Nguyễn Minh Ngọc	643	9A1	29/06/2010	Toán	Lê Ích Mộc			7.00	Nhì	
168	26	Nguyễn Trọng Phú	652	9A6	14/05/2010	Toán	An Lư			7.00	Nhì	
169	27	Đặng Thái Sơn	656	9A1	25/04/2010	Toán	Quảng Thanh			7.00	Nhì	
170	28	Đỗ Yên Trang	670	9A1	17/08/2010	Toán	Chính Mỹ			7.00	Nhì	
171	29	Nguyễn Thế Anh	585	9A1	10/06/2010	Toán	Thủy Đường			6.75	Ba	
172	30	Dương Văn Học	612	9A1	17/09/2008	Toán	Dương Quan			6.75	Ba	
173	31	Trịnh Tường Minh	639	9A4	15/02/2010	Toán	Lê Ích Mộc			6.75	Ba	
174	32	Đỗ Văn Sơn	657	9A1	01/04/2010	Toán	Trần Hưng Đạo			6.75	Ba	
175	33	Trần Đại Thành	660	9A1	23/11/2010	Toán	Thủy Đường			6.75	Ba	
176	34	Lê Tiến Dũng	600	9A1	05/09/2010	Toán	Thủy Đường			6.50	Ba	
177	35	Nguyễn Trung Hiếu	606	9A1	01/08/2010	Toán	Chính Mỹ			6.50	Ba	
178	36	Nguyễn Doãn Hoàng	609	9A1	11/11/2010	Toán	Kiên Bái			6.50	Ba	
179	37	Nguyễn Chấn Hưng	614	9A1	27/10/2010	Toán	Hợp Thành			6.50	Ba	
180	38	Đặng Bảo Lâm	627	9A1	02/10/2010	Toán	Kiên Bái			6.50	Ba	
181	39	Phạm Vũ Bảo Long	633	9A4	20/01/2010	Toán	Lập Lễ			6.50	Ba	
182	40	Đầu Thị Khánh Ly	635	9A1	26/01/2010	Toán	Mỹ Đông			6.50	Ba	
183	41	Nguyễn Bùi Thái Toàn	668	9A1	02/03/2010	Toán	Mỹ Đông			6.35	Ba	
184	42	Nguyễn Văn Hoàng Anh	587	9A4	15/04/2010	Toán	Lại Xuân			6.25	Ba	

STT	TT	Họ và tên	Số BD	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	LT	TH	Điểm tổng	Xếp giải	Ghi chú
185	43	Đoàn Minh Đăng	593	9A1	12/03/2010	Toán	Hoa Động			6.25	Ba	
186	44	Đỗ Gia Khánh	623	9A6	03/06/2010	Toán	Ngũ Lão			6.25	Ba	
187	45	Nguyễn Doãn Yến Nhi	647	9A1	15/10/2010	Toán	Hợp Thành			6.25	Ba	
188	46	Nguyễn Thị Thu Quỳnh	655	9A	06/11/2010	Toán	Tân Dương			6.25	Ba	
189	47	Nguyễn Đắc Việt	681	9D1	12/03/2010	Toán	Liên Khê			6.25	Ba	
190	48	Nguyễn Bá Vinh	682	9A1	21/08/2010	Toán	Kiên Bái			6.25	Ba	
191	49	Trần Bình Phương Nguyễn	644	9A1	23/07/2010	Toán	Lê Ích Mộc			6.10	Khuyến khích	
192	50	Nguyễn Đắc Bắc	589	9A1	09/01/2010	Toán	Thiên Hương			6.00	Khuyến khích	
193	51	Tạ Nhật Hoàng	610	9A3	29/05/2010	Toán	Lại Xuân			6.00	Khuyến khích	
194	52	Nguyễn Việt Hùng	613	9A	15/11/2010	Toán	Cao Nhân			6.00	Khuyến khích	
195	53	Nguyễn Phương Linh	630	9A1	17/05/2010	Toán	Mỹ Đồng			6.00	Khuyến khích	
196	54	Tô Quỳnh Như	650	9A1	06/03/2010	Toán	Thiên Hương			6.00	Khuyến khích	
197	55	Bùi Minh Thuận	667	9A1	23/09/2010	Toán	Thiên Hương			6.00	Khuyến khích	
198	56	Nguyễn Ngọc Trâm	669	9A1	21/07/2010	Toán	Mỹ Đồng			6.00	Khuyến khích	
199	57	Đình Phước Thịnh	662	9A4	24/08/2010	Toán	Lập Lễ			5.85	Khuyến khích	
200	58	Bùi Việt An	584	9A1	04/02/2010	Toán	Dương Quan			5.75	Khuyến khích	
201	59	Đông Xuân Giang	603	9A1	03/11/2010	Toán	Hoa Động			5.75	Khuyến khích	
202	60	Nguyễn Trí Kiên	625	9A4	17/02/2010	Toán	Lại Xuân			5.75	Khuyến khích	
203	61	Nguyễn Trung Kiên	626	9A6	24/05/2010	Toán	Ngũ Lão			5.75	Khuyến khích	
204	62	Đào Thanh Tú	674	9A1	08/06/2010	Toán	Hợp Thành			5.75	Khuyến khích	
205	63	Vũ Hải Việt	680	9A1	10/07/2010	Toán	Thủy Đường			5.75	Khuyến khích	

STT	TT	Họ và tên	Số BD	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	LT	TH	Điểm tổng	Xếp giải	Ghi chú
206	64	Phạm Kim Liên	629	9A7	10/12/2010	Toán	Nguyễn Văn Cừ			5.60	Khuyến khích	
207	65	Đỗ Minh Vũ	685	9A	16/08/2010	Toán	Cao Nhân			5.60	Khuyến khích	
208	66	Trần Bá Đăng Quang	653	9A1	27/01/2010	Toán	Hòa Bình			5.60	Khuyến khích	
209	67	Lê Đức Thuận	666	9A1	17/03/2010	Toán	Lưu Kiếm			5.60	Khuyến khích	
210	68	Nguyễn An Hưng	615	9A1	01/02/2010	Toán	Kiên Bái			5.50	Khuyến khích	
211	69	Phạm Vũ Phương Vy	686	9A4	26/02/2010	Toán	Lập Lễ			5.50	Khuyến khích	
212	70	Đỗ Sơn Nguyên	645	9A1	03/04/2010	Toán	Lê Ích Mộc			5.35	Khuyến khích	
213	71	Đoàn Ngọc Anh Thư	665	9A2	21/12/2010	Toán	Thủy Đường			5.35	Khuyến khích	
214	1	Hoàng Diệu Thảo	559	9A1	08/02/2010	Ngữ văn	Lê Ích Mộc			7.75	Nhất	
215	2	Vũ Thị Thu Trang	568	9A3	28/01/2010	Ngữ văn	Lê Ích Mộc			7.75	Nhất	
216	3	Nguyễn Khánh Hà	497	9A1	20/10/2010	Ngữ văn	Lưu Kiếm			7.50	Nhất	
217	4	Lê Vũ Ngọc Hương	508	9A3	28/10/2010	Ngữ văn	Hoàng Động			7.50	Nhất	
218	5	Ngô Thị Minh Ngọc	537	9A1	30/4/2010	Ngữ văn	Lê Ích Mộc			7.50	Nhất	
219	6	Đinh Thị Kim Oanh	546	9A4	16/02/2010	Ngữ văn	Lập Lễ			7.50	Nhất	
220	7	Trần Thị Hoài Anh	477	9A2	11/11/2010	Ngữ văn	Thủy Đường			7.25	Nhì	
221	8	Đinh Hương Giang	493	9A3	16/8/2010	Ngữ văn	Lê Ích Mộc			7.25	Nhì	
222	9	Phạm Thị Minh Hằng	500	9A1	20/05/2010	Ngữ văn	Kiên Bái			7.25	Nhì	
223	10	Nguyễn Phương Linh	516	9A2	04/07/2010	Ngữ văn	Lê Ích Mộc			7.25	Nhì	
224	11	Trần Ban Mai	524	9A2	26/01/2010	Ngữ văn	Lê Ích Mộc			7.25	Nhì	
225	12	Chu Ngọc Bảo Uyên	570	9A3	31/12/2010	Ngữ văn	Hoàng Động			7.25	Nhì	
226	13	Bùi Vũ Trâm Anh	478	9A3	26/03/2010	Ngữ văn	Hoàng Động			7.25	Nhì	

STT	TT	Họ và tên	Số BD	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	LT	TH	Điểm tổng	Xếp giải	Ghi chú
227	14	Nguyễn Thị Trang Anh	482	9A4	25/02/2010	Ngữ văn	Phan Chu Trinh			7.00	Nhì	
228	15	Nguyễn Trần Thuỳ Dương	491	9A6	05/09/2010	Ngữ văn	Ngũ Lão			7.00	Nhì	
229	16	Đỗ Thị Ngọc Huyền	511	9A1	26/03/2010	Ngữ văn	Nguyễn Văn Cừ			7.00	Nhì	
230	17	Vũ Thị Ngọc Linh	515	9A2	18/6/2010	Ngữ văn	Lê Ích Mộc			7.00	Nhì	
231	18	Đỗ Hải Ngân	534	9A6	10/11/2010	Ngữ văn	Ngũ Lão			7.00	Nhì	
232	19	Dương Thị Khánh Ngọc	538	9A2	28/7/2010	Ngữ văn	Lê Ích Mộc			7.00	Nhì	
233	20	Lê Mai Phương	551	9A1	10/09/2010	Ngữ văn	Thủy Đường			7.00	Nhì	
234	21	Vũ Thị Ngọc Ánh	483	8A5	08/07/2011	Ngữ văn	Lập Lễ			6.75	Ba	
235	22	Đào Thị Ngọc Diệp	489	9A1	29/3/2010	Ngữ văn	Lê Ích Mộc			6.75	Ba	
236	23	Đinh Thị Phương Hoa	503	9A	28/10/2010	Ngữ văn	Phả Lễ			6.75	Ba	
237	24	Lê Thị Thanh Hoài	505	9A1	10/01/2010	Ngữ văn	Dương Quan			6.75	Ba	
238	25	Trần Phương Linh	518	9A6	12/02/2010	Ngữ văn	Ngũ Lão			6.75	Ba	
239	26	Lê Thị Hà Linh	519	9A1	26/10/2010	Ngữ văn	Nguyễn Văn Cừ			6.75	Ba	
240	27	Đặng Quang Minh	528	9A1	03/06/2010	Ngữ văn	Trần Hưng Đạo			6.75	Ba	
241	28	Lê Thanh Ngọc	536	9A3	04/03/2010	Ngữ văn	Hoàng Động			6.75	Ba	
242	29	Phạm Bảo Nhi	542	9A1	23/06/2010	Ngữ văn	Trần Hưng Đạo			6.75	Ba	
243	30	Trần Thị Quỳnh Như	543	9A1	05/08/2010	Ngữ văn	Hòa Bình			6.75	Ba	
244	31	Mạc Hà Phương	553	9A1	17/07/2010	Ngữ văn	Hợp Thành			6.75	Ba	
245	32	Vũ Thanh Phương	555	9A6	29/5/2010	Ngữ văn	Lưu Kiếm			6.75	Ba	
246	33	Đặng Minh Thư	564	9A4	22/3/2010	Ngữ văn	Lưu Kiếm			6.75	Ba	

STT	TT	Họ và tên	Số BD	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	LT	TH	Điểm tổng	Xếp giải	Ghi chú
247	34	Lê Thị Tố Như	544	9A1	06/11/2010	Ngữ văn	Quảng Thanh			6.75	Ba	
248	35	Nguyễn Phương Vi	573	9A4	23/04/2010	Ngữ văn	Phan Chu Trinh			6.75	Ba	
249	36	Nguyễn Bảo Yên	581	9A	18/09/2010	Ngữ văn	Phả Lễ			6.75	Ba	
250	37	Lưu Thị Xuân Hà	498	9A	18/02/2010	Ngữ văn	Tam Hưng			6.50	Ba	
251	38	Vũ Mai Hương	509	9A1	18/01/2010	Ngữ văn	Minh Đức			6.50	Ba	
252	39	Nguyễn Hoàng Lan	513	9A3	17/10/2010	Ngữ văn	Trần Nhật Duật			6.50	Ba	
253	40	Nguyễn Thùy Linh	521	9A5	16/12/2010	Ngữ văn	Trần Hưng Đạo			6.50	Ba	
254	41	Phạm Thanh Nhân	540	9A1	22/06/2010	Ngữ văn	Kiên Bái			6.50	Ba	
255	42	Lê Thị Tố Vân	572	9A5	21/02/2010	Ngữ văn	Phan Chu Trinh			6.50	Ba	
256	43	Trần Nguyễn Thúy Vy	575	9A6	13/11/2010	Ngữ văn	An Lư			6.50	Ba	
257	44	Đinh Thị Như Ý	578	9A	09/06/2010	Ngữ văn	Phả Lễ			6.50	Ba	
258	45	Đỗ Thị Vân Yên	580	9A1	09/03/2010	Ngữ văn	Nguyễn Văn Cừ			6.50	Ba	
259	46	Phạm Quỳnh Chi	486	9A1	29/10/2010	Ngữ văn	Hoa Động			6.25	Khuyến khích	
260	47	Hồ Trần Gia Hân	499	9A1	31/03/2010	Ngữ văn	Trần Hưng Đạo			6.25	Khuyến khích	
261	48	Vũ Thị Lan Hương	507	9A6	22/12/2010	Ngữ văn	An Lư			6.25	Khuyến khích	
262	49	Mạc Thị Hường	510	9A4	01/03/2010	Ngữ văn	Phan Chu Trinh			6.25	Khuyến khích	
263	50	Nguyễn Thủy Linh	514	9A1	02/08/2010	Ngữ văn	Chính Mỹ			6.25	Khuyến khích	
264	51	Vũ Phương Linh	520	9A5	19/01/2010	Ngữ văn	Trần Hưng Đạo			6.25	Khuyến khích	
265	52	Phạm Mai Phương	552	9A1	10/01/2010	Ngữ văn	Hợp Thành			6.25	Khuyến khích	
266	53	Đỗ Thị Thu Phương	554	9A1	26/09/2010	Ngữ văn	Kỳ Sơn			6.25	Khuyến khích	
267	54	Đinh Hoàng Minh Thơ	561	9A4	23/03/2010	Ngữ văn	Lập Lễ			6.25	Khuyến khích	

STT	TT	Họ và tên	Số BD	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	LT	TH	Điểm tổng	Xếp giải	Ghi chú
268	55	Đoàn Vũ Anh Thu	562	9A4	02/04/2010	Ngữ văn	Lại Xuân			6.25	Khuyến khích	
269	56	Phạm Thị Anh Thu	563	9A1	15/12/2010	Ngữ văn	Lê Ích Mộc			6.25	Khuyến khích	
270	57	Lê Trần Linh Thu	565	9A1	28/6/2010	Ngữ văn	Minh Đức			6.00	Khuyến khích	
271	58	Nguyễn Thị Thu Hiền	502	9A2	18/04/2010	Ngữ văn	Kỳ Sơn			6.00	Khuyến khích	
272	59	Bùi Thị Khánh Hòa	504	9A1	01/08/2010	Ngữ văn	Hợp Thành			6.00	Khuyến khích	
273	60	Tạ Phạm Hải Dương	490	9A1	27/5/2010	Ngữ văn	Minh Đức			6.00	Khuyến khích	
274	61	Nguyễn Lan My	530	9A4	06/08/2010	Ngữ văn	Phan Chu Trinh			6.00	Khuyến khích	
275	62	Nguyễn Thị Minh Ngọc	535	9A2	24/12/2010	Ngữ văn	Thủy Đường			6.00	Khuyến khích	
276	63	Vũ Minh Ngọc	539	9A1	05/4/2010	Ngữ văn	Minh Đức			6.00	Khuyến khích	
277	64	Đinh Thị Trang Nhung	545	9A1	23/01/2010	Ngữ văn	Thiên Hương			6.00	Khuyến khích	
278	65	Cao Thị Kiều Oanh	547	9A6	04/02/2010	Ngữ văn	Ngũ Lão			6.00	Khuyến khích	
279	66	Nguyễn Hà Phương	556	9A1	25/3/2010	Ngữ văn	Lưu Kiếm			6.00	Khuyến khích	
280	67	Hoàng Thị Thảo Vân	571	9A2	28/01/2010	Ngữ văn	Hòa Bình			6.00	Khuyến khích	
281	68	Đào Thị Như Ý	579	9A	18/08/2010	Ngữ văn	Tân Dương			6.00	Khuyến khích	
282	69	Nguyễn Thị Yên	582	8A2	21/03/2011	Ngữ văn	Nguyễn Văn Cừ			6.00	Khuyến khích	
283	1	Lưu Trí Dũng	22	9A1	13/07/2010	Tiếng Anh	Hòa Bình			9.13	Nhất	
284	2	Bùi Mai Chi	15	9A3	19/01/2010	Tiếng Anh	Lê Ích Mộc			8.38	Nhất	
285	3	Nguyễn Minh Trọng	90	8D	08/11/2011	Tiếng Anh	Tam Hưng			8.38	Nhất	
286	4	Lê Khôi Nguyên	72	8A1	15/06/2011	Tiếng Anh	Lưu Kiếm			8.25	Nhất	
287	5	Nguyễn Vũ Hồng Hải	33	9A1	02/03/2010	Tiếng Anh	Hòa Bình			8.13	Nhất	
288	6	Phạm Quang Minh	61	9A6	11/12/2010	Tiếng Anh	Lê Ích Mộc			8.00	Nhì	

STT	TT	Họ và tên	Số BD	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	LT	TH	Điểm tổng	Xếp giải	Ghi chú
289	7	Cù Ngọc Khánh Huy	45	9A1	23/07/2010	Tiếng Anh	Minh Đức			7.63	Nhì	
290	8	Lê Thị Minh Ngọc	69	9A1	04/01/2010	Tiếng Anh	Minh Đức			7.63	Nhì	
291	9	Bùi Gia Bảo	11	9A4	05/02/2010	Tiếng Anh	Lê Ích Mộc			7.50	Nhì	
292	10	Lê Quỳnh Anh	7	9A	29/01/2010	Tiếng Anh	Tân Dương			7.38	Nhì	
293	11	Bùi Ngọc Linh	57	9A1	30/06/2010	Tiếng Anh	Minh Đức			7.38	Nhì	
294	12	Nguyễn Phương Tâm	81	9A1	21/12/2010	Tiếng Anh	Lưu Kiếm			7.38	Nhì	
295	13	Quách Yến Thanh	82	9A1	18/03/2010	Tiếng Anh	Quảng Thanh			7.38	Nhì	
296	14	Bùi Ngọc Ánh	10	9A1	23/06/2010	Tiếng Anh	Minh Đức			7.25	Nhì	
297	15	Đỗ Thị Hải Linh	54	8A3	24/01/2011	Tiếng Anh	Lê Ích Mộc			7.25	Nhì	
298	16	Nguyễn Phạm Gia Long	59	8A4	15/03/2011	Tiếng Anh	Hòa Bình			7.25	Nhì	
299	17	Phạm Minh Uyên	95	9A	06/10/2010	Tiếng Anh	Cao Nhân			7.25	Nhì	
300	18	Phạm Khánh Linh	52	9A1	01/05/2010	Tiếng Anh	Lê Ích Mộc			7.13	Nhì	
301	19	Đinh Thị Thu Loan	58	8A4	19/03/2011	Tiếng Anh	Hòa Bình			7.13	Nhì	
302	20	Cù Thị Phương Vy	99	9A1	28/03/2010	Tiếng Anh	Hòa Bình			7.13	Nhì	
303	21	Đinh Tuấn Anh	2	9A4	04/12/2010	Tiếng Anh	Lập Lễ			7.00	Ba	
304	22	Đặng Hà Linh	53	9A1	02/12/2010	Tiếng Anh	Lê Ích Mộc			7.00	Ba	
305	23	Phạm Phương Thảo	84	9A4	08/08/2010	Tiếng Anh	Lê Ích Mộc			7.00	Ba	
306	24	Nguyễn Hà Vy	98	9A1	03/08/2010	Tiếng Anh	Mỹ Đồng			7.00	Ba	
307	25	Bùi Quang Huy	46	9A1	10/01/2010	Tiếng Anh	Thiên Hương			7.00	Ba	
308	26	Lê Thành Công	17	9A1	12/04/2010	Tiếng Anh	Hợp Thành			6.88	Ba	
309	27	Phạm Ngọc Linh	51	8A4	10/01/2011	Tiếng Anh	Hòa Bình			6.75	Ba	

STT	TT	Họ và tên	Số BD	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	LT	TH	Điểm tổng	Xếp giải	Ghi chú
310	28	Hoàng Thị Hải Hà	29	9A1	15/05/2010	Tiếng Anh	Kiên Bái			6.63	Ba	
311	29	Đỗ Ngân Hà	30	9A1	25/02/2010	Tiếng Anh	Nguyễn Văn Cừ			6.63	Ba	
312	30	Nguyễn Thảo Quỳnh Nhi	74	9A4	07/8/2010	Tiếng Anh	Trần Nhật Duật			6.63	Ba	
313	31	Hoàng Thị Huyền Trang	89	9A	01/06/2010	Tiếng Anh	Cao Nhân			6.63	Ba	
314	32	Hoàng Đức Dương	25	8A1	11/02/2011	Tiếng Anh	Kiên Bái			6.50	Ba	
315	33	Đào Thị Thanh Hằng	36	9A	31/07/2010	Tiếng Anh	Tân Dương			6.50	Ba	
316	34	Lại Gia Tùng	94	8D	29/11/2011	Tiếng Anh	Tam Hưng			6.50	Ba	
317	35	Tô Nguyễn Khánh An	1	9A1	03/10/2010	Tiếng Anh	Lê Ích Mộc			6.38	Ba	
318	36	Bùi Nguyễn Trâm Anh	6	9A6	15/07/2010	Tiếng Anh	Ngũ Lão			6.38	Ba	
319	37	Hoàng Thị Tường Vi	97	9A1	05/09/2010	Tiếng Anh	Kiên Bái			6.25	Ba	
320	38	Nguyễn Trịnh Tùng Lâm	49	9A1	13/07/2010	Tiếng Anh	Thủy Đường			5.88	Ba	
321	39	Nguyễn Thanh Thủy	86	9A3	31/7/2010	Tiếng Anh	Lê Ích Mộc			5.88	Ba	
322	40	Lê Thế Đạt	19	9D1	09/10/2010	Tiếng Anh	Liên Khê			5.75	Khuyến khích	
323	41	Trần Trung Hiếu	38	9A6	12/03/2010	Tiếng Anh	An Lư			5.75	Khuyến khích	
324	42	Nguyễn Hoàng Linh Nga	67	8A	29/12/2011	Tiếng Anh	Cao Nhân			5.75	Khuyến khích	
325	43	Lê Thị Phương Tú	91	9A	09/08/2010	Tiếng Anh	Minh Tân			5.75	Khuyến khích	
326	44	Trịnh Đức Anh	5	9A2	24/01/2010	Tiếng Anh	Lê Ích Mộc			5.63	Khuyến khích	
327	45	Phạm Ngọc Hân	34	9A3	05/08/2010	Tiếng Anh	Hoàng Động			5.63	Khuyến khích	
328	46	Đinh Đại Quang	79	8A5	10/04/2011	Tiếng Anh	Lập Lễ			5.63	Khuyến khích	
329	47	Lê Minh Giang	27	9A1	06/06/2010	Tiếng Anh	Dương Quan			5.50	Khuyến khích	
330	48	Vũ Minh Phương	78	9A1	23/10/2010	Tiếng Anh	Quảng Thanh			5.50	Khuyến khích	

STT	TT	Họ và tên	Số BD	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	LT	TH	Điểm tổng	Xếp giải	Ghi chú
331	49	Đào Đức Hùng	42	9A1	30/09/2010	Tiếng Anh	Thủy Đường			5.38	Khuyến khích	
332	50	Bùi Tuấn Nam	66	9A1	11/01/2010	Tiếng Anh	Dương Quan			5.25	Khuyến khích	
333	51	Trần Nguyễn Minh Anh	8	9A1	14/04/2010	Tiếng Anh	Thiên Hương			5.25	Khuyến khích	
334	52	Tạ Ngọc Hà	32	9A1	19/08/2010	Tiếng Anh	Trần Hưng Đạo			5.25	Khuyến khích	
335	53	Lê Phương Hoa	40	9A2	20/02/2010	Tiếng Anh	Lưu Kiếm			5.25	Khuyến khích	
336	54	Phạm Khánh Hoà	41	9A6	18/04/2010	Tiếng Anh	An Lư			5.25	Khuyến khích	
337	55	Phạm Hương Giang	26	9A6	02/07/2010	Tiếng Anh	An Lư			5.25	Khuyến khích	
338	56	Lê Thùy Liên	50	9A1	17/11/2010	Tiếng Anh	Mỹ Đồng			5.25	Khuyến khích	
339	57	Nguyễn Tuấn Đạt	20	9D1	07/04/2010	Tiếng Anh	Liên Khê			5.13	Khuyến khích	
340	58	Trần Quốc Dũng	23	8A4	10/05/2011	Tiếng Anh	Hòa Bình			5.13	Khuyến khích	
341	59	Nguyễn Khánh Ngọc	70	9A5	27/06/2010	Tiếng Anh	Trần Hưng Đạo			5.13	Khuyến khích	
342	60	Đàm Thảo Nguyên	71	8A1	02/03/2011	Tiếng Anh	Hoa Động			5.13	Khuyến khích	
343	61	Nguyễn Khánh Linh	55	9A1	15/10/2010	Tiếng Anh	Lưu Kiếm			5.00	Khuyến khích	
344	62	Bùi Công Minh	62	9A1	26/05/2010	Tiếng Anh	Lê Ích Mộc			5.00	Khuyến khích	
345	63	Nguyễn Văn Thái Sơn	80	9A6	29/04/2010	Tiếng Anh	Ngũ Lão			5.00	Khuyến khích	
346	1	Vũ Trà My	412	9A5	16/01/2010	LS-ĐL	Trần Hưng Đạo			9.43	Nhất	
347	2	Nguyễn Đặng Ngọc Hân	364	9A3	23/12/2010	LS-ĐL	Lê Ích Mộc			9.39	Nhất	
348	3	Vũ Thị Mai Hương	381	9D1	08/10/2008	LS-ĐL	Liên Khê			9.13	Nhất	
349	4	Nguyễn Thị Bích Phương	429	9A5	17/01/2010	LS-ĐL	Ngũ Lão			9.13	Nhất	
350	5	Phạm Phương Linh	404	9A1	14/02/2010	LS-ĐL	Phục Lễ			9.00	Nhất	
351	6	Vũ Thị Khánh Phương	428	9A	24/12/2010	LS-ĐL	Minh Tân			9.00	Nhất	

STT	TT	Họ và tên	Số BD	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	LT	TH	Điểm tổng	Xếp giải	Ghi chú
352	7	Trần Quốc Lâm	391	9A6	03/05/2010	LS-ĐL	An Lư			8.96	Nhất	
353	8	Đàm Tuấn Minh	410	9A1	08/09/2010	LS-ĐL	Lê Ích Mộc			8.96	Nhất	
354	9	Phạm Vân Anh	338	9A3	25/01/2010	LS-ĐL	Phục Lễ			8.83	Nhì	
355	10	Nguyễn Thị Như Quỳnh	436	9A1	23/10/2010	LS-ĐL	Kỳ Sơn			8.83	Nhì	
356	11	Nguyễn Văn Khánh	388	9A2	09/01/2010	LS-ĐL	Quảng Thanh			8.78	Nhì	
357	12	Nguyễn Hà Phương	427	9A1	09/11/2010	LS-ĐL	Hoa Động			8.78	Nhì	
358	13	Bùi Mỹ Anh	333	9A4	07/02/2010	LS-ĐL	Lê Ích Mộc			8.74	Nhì	
359	14	Lê Hồng Ly	407	9A4	11/07/2010	LS-ĐL	Quảng Thanh			8.74	Nhì	
360	15	Bùi Thị Tú Quỳnh	438	9A	29/09/2010	LS-ĐL	Minh Tân			8.74	Nhì	
361	16	Vũ Thị Phương Trang	457	8A5	24/12/2011	LS-ĐL	Lập Lễ			8.74	Nhì	
362	17	Hoàng Như Quỳnh	437	9A1	02/01/2010	LS-ĐL	Kỳ Sơn			8.70	Nhì	
363	18	Nguyễn Thị Hà Vi	468	9A1	10/9/2010	LS-ĐL	Nguyễn Văn Cừ			8.70	Nhì	
364	19	Bùi Thị Giang	357	9A1	04/09/2010	LS-ĐL	Kỳ Sơn			8.57	Nhì	
365	20	Nguyễn Đức Khải	386	8A5	27/07/2011	LS-ĐL	Lập Lễ			8.57	Nhì	
366	21	Phạm Thị Khánh Ngọc	417	9D5	21/11/2010	LS-ĐL	Liên Khê			8.57	Nhì	
367	22	Đặng Thị Khánh Ngọc	418	9A3	01/06/2010	LS-ĐL	Lưu Kiếm			8.57	Nhì	
368	23	Đỗ Thị Thu Thảo	443	9B	01/11/2010	LS-ĐL	Tam Hưng			8.52	Nhì	
369	24	Đinh Quế Chi	345	9A1	18/01/2010	LS-ĐL	Minh Đức			8.48	Nhì	
370	25	Bùi Thành Đạt	348	9A1	13/11/2010	LS-ĐL	Hợp Thành			8.48	Nhì	
371	26	Phạm Gia Hân	367	9A	02/12/2010	LS-ĐL	Tân Dương			8.48	Nhì	
372	27	Vũ Thu Phương	431	9A1	14/9/2010	LS-ĐL	Mỹ Đồng			8.48	Nhì	

STT	TT	Họ và tên	Số BD	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	LT	TH	Điểm tổng	Xếp giải	Ghi chú
373	28	Vũ Thị Lan Anh	331	9A1	09/07/2010	LS-ĐL	Dương Quan			8.43	Nhì	
374	29	Đỗ Phương Hồng Ánh	341	8A1	21/12/2011	LS-ĐL	Nguyễn Văn Cừ			8.43	Nhì	
375	30	Đoàn Minh Trang	460	9A5	02/09/2010	LS-ĐL	Ngũ Lão			8.43	Nhì	
376	31	Đào Thùy Dung	352	9A	02/04/2010	LS-ĐL	Tân Dương			8.35	Ba	
377	32	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	458	9A2	08/09/2010	LS-ĐL	Lưu Kiếm			8.35	Ba	
378	33	Phạm Diệu Chi	346	9A5	25/01/2010	LS-ĐL	Trần Hưng Đạo			8.30	Ba	
379	34	Đình Khắc Việt Anh	329	8A5	23/06/2011	LS-ĐL	Lập Lễ			8.26	Ba	
380	35	Bùi Minh Hằng	368	9A2	13/5/2010	LS-ĐL	Minh Đức			8.26	Ba	
381	36	Đoàn Phương Thúy	452	9A5	05/07/2010	LS-ĐL	Ngũ Lão			8.26	Ba	
382	37	Nguyễn Ngọc Vân	466	9A1	24/05/2010	LS-ĐL	Hoa Động			8.26	Ba	
383	38	Phạm Nguyễn Hải Yến	473	9A1	25/09/2010	LS-ĐL	Hoa Động			8.26	Ba	
384	39	Đỗ Thị Thu Hoài	375	9A3	20/06/2010	LS-ĐL	Quảng Thanh			8.22	Ba	
385	40	Bùi Bảo Hân	363	9A3	18/03/2010	LS-ĐL	Lê Ích Mộc			8.17	Ba	
386	41	Nguyễn Phương Hoa	373	9D5	21/11/2010	LS-ĐL	Liên Khê			8.17	Ba	
387	42	Vũ Đình Đạt	349	9A	17/09/2010	LS-ĐL	Minh Tân			8.13	Ba	
388	43	Lương Thụy Vân	467	9A1	22/11/2010	LS-ĐL	Trần Hưng Đạo			8.13	Ba	
389	44	Nguyễn Phương Thảo Vy	470	9A1	02/01/2010	LS-ĐL	Lê Ích Mộc			8.13	Ba	
390	45	Nguyễn Thái Khang	387	9A2	30/08/2010	LS-ĐL	Hòa Bình			8.09	Ba	
391	46	Đình Ngọc Anh	328	8A5	20/06/2011	LS-ĐL	Lập Lễ			8.04	Ba	
392	47	Nguyễn Bá Anh	330	9A4	10/3/2010	LS-ĐL	Trần Nhật Duật			8.04	Ba	

STT	TT	Họ và tên	Số BD	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	LT	TH	Điểm tổng	Xếp giải	Ghi chú
393	48	Bùi Quỳnh Dương	353	9A3	05/02/2010	LS-ĐL	Trần Nhật Duật			8.04	Ba	
394	49	Nguyễn Trọng Hiệp	371	9A3	31/03/2010	LS-ĐL	Phan Chu Trinh			8.04	Ba	
395	50	Phạm Thị Ngọc Hà	361	9A1	12/03/2010	LS-ĐL	Chính Mỹ			8.00	Ba	
396	51	Vũ Thị ngọc Hân	365	9A1	28/5/2010	LS-ĐL	Minh Đức			8.00	Ba	
397	52	Nguyễn Minh Ngọc	416	9A2	23/11/2010	LS-ĐL	Lê Ích Mộc			7.96	Ba	
398	53	Lưu Thị Huyền Phương	432	9A3	12/02/2010	LS-ĐL	Phan Chu Trinh			7.96	Ba	
399	54	Vũ Văn Khánh Đạt	347	9A4	10/08/2010	LS-ĐL	Lập Lễ			7.91	Ba	
400	55	Đỗ Văn Trường Thiên	445	9A4	02/06/2010	LS-ĐL	Trần Nhật Duật			7.91	Ba	
401	56	Nguyễn Hà Vi	469	9A1	13/10/2010	LS-ĐL	Quảng Thanh			7.91	Ba	
402	57	Trần Thành Lộc	406	9A2	23/01/2010	LS-ĐL	Hòa Bình			7.87	Ba	
403	58	Đỗ Thị Hương Mai	408	9A1	22/07/2010	LS-ĐL	Chính Mỹ			7.87	Ba	
404	59	Lê Ngọc Anh	334	9D5	01/12/2010	LS-ĐL	Liên Khê			7.83	Khuyến khích	
405	60	Trần Thị Bảo Hân	362	9A1	19/10/2010	LS-ĐL	Dương Quan			7.83	Khuyến khích	
406	61	Lê Tất Hùng	379	9A1	12/05/2010	LS-ĐL	Kiên Bái			7.83	Khuyến khích	
407	62	Bùi Quang Huy	383	9A1	28/07/2010	LS-ĐL	Hợp Thành			7.83	Khuyến khích	
408	63	Nguyễn Ngọc Linh	400	9A1	26/04/2010	LS-ĐL	Kỳ Sơn			7.83	Khuyến khích	
409	64	Phạm Gia Huy	384	9A1	20/04/2010	LS-ĐL	Lê Ích Mộc			7.78	Khuyến khích	
410	65	Vũ Trần Ngọc Hân	366	9a3	11/06/2010	LS-ĐL	Phan Chu Trinh			7.74	Khuyến khích	
411	66	Vũ Thị Thuý Nga	415	9A5	22/08/2010	LS-ĐL	Lưu Kiếm			7.74	Khuyến khích	
412	67	Phạm Thị Hà Vy	471	9A1	06/07/2010	LS-ĐL	Phục Lễ			7.74	Khuyến khích	
413	68	Nguyễn Thị Khánh Linh	394	9A4	26/03/2010	LS-ĐL	An Lư			7.65	Khuyến khích	

STT	TT	Họ và tên	Số BD	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	LT	TH	Điểm tổng	Xếp giải	Ghi chú
414	69	Nguyễn Anh Thư	447	9A1	25/11/2010	LS-ĐL	Thủy Đường			7.65	Khuyến khích	
415	70	Đinh Thị Quỳnh Anh	337	9A	13/12/2010	LS-ĐL	Phả Lễ			7.61	Khuyến khích	
416	71	Bùi Đỗ Diệu Linh	399	9A1	08/04/2010	LS-ĐL	Hợp Thành			7.61	Khuyến khích	
417	72	Vũ Thị Linh	401	9A	02/04/2010	LS-ĐL	Minh Tân			7.61	Khuyến khích	
418	73	Nguyễn Quang Minh	411	9A1	05/10/2010	LS-ĐL	Phục Lễ			7.61	Khuyến khích	
419	74	Nguyễn Hải Yên	475	9A2	14/10/2010	LS-ĐL	Thiên Hương			7.57	Khuyến khích	
420	75	Mạc Thị Phương Thảo	440	9A1	16/09/2010	LS-ĐL	Hợp Thành			7.52	Khuyến khích	
421	76	Hoàng Thị Phương Thảo	444	9A1	12/11/2010	LS-ĐL	Trần Hưng Đạo			7.52	Khuyến khích	
422	77	Đinh Thị Thảo Mai	409	9A3	10/10/2010	LS-ĐL	Trần Nhật Duật			7.43	Khuyến khích	
423	78	Nguyễn Thị Khánh Ninh	425	9A	05/06/2010	LS-ĐL	Minh Tân			7.43	Khuyến khích	
424	79	Nguyễn Thị Anh Thư	449	9A	09/02/2010	LS-ĐL	Phả Lễ			7.43	Khuyến khích	
425	80	Đỗ Thị Minh Thư	451	9A1	18/04/2010	LS-ĐL	Trần Hưng Đạo			7.43	Khuyến khích	
426	81	Nguyễn Thị Diệu Châu	343	9A3	23/8/2010	LS-ĐL	Trần Nhật Duật			7.35	Khuyến khích	
427	82	Trần Thị Huyền Linh	398	9A1	24/10/2010	LS-ĐL	Hòa Bình			7.35	Khuyến khích	
428	83	Bùi Thị Mỹ Lan	392	9A2	31/07/2010	LS-ĐL	Kỳ Sơn			7.30	Khuyến khích	
429	84	Nguyễn Thị Như Loan	405	8A5	25/01/2011	LS-ĐL	Lập Lễ			7.26	Khuyến khích	
430	85	Hà Thị Thảo	441	9A1	10/05/2010	LS-ĐL	Kiên Bái			7.26	Khuyến khích	
431	86	Hoàng Thanh Trúc	461	9A6	13/07/2010	LS-ĐL	An Lư			7.26	Khuyến khích	
432	87	Nguyễn Thị Thùy Dương	354	9A2	18/03/2010	LS-ĐL	Thiên Hương			7.22	Khuyến khích	
433	88	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	369	8A1	04/11/2011	LS-ĐL	Nguyễn Văn Cừ			7.22	Khuyến khích	
434	89	Nguyễn Linh Nga	414	9A2	29/01/2010	LS-ĐL	Lưu Kiếm			7.22	Khuyến khích	

STT	TT	Họ và tên	Số BD	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	LT	TH	Điểm tổng	Xếp giải	Ghi chú
435	90	Đào Lê Anh Thu	448	9A1	07/01/2010	LS-ĐL	Lưu Kiếm			7.22	Khuyến khích	
436	1	Đoàn Đức Giang	233	9A3	27/01/2010	KHTN	Lại Xuân			15.50	Nhất	
437	2	Lê Đức Anh	207	9A1	7/10/2010	KHTN	Minh Đức			15.00	Nhất	
438	3	Lê Thị Nguyệt	281	9D1	15/01/2010	KHTN	Liên Khê			14.75	Nhất	
439	4	Bùi Hà Giang	234	9A2	13/07/2010	KHTN	Lại Xuân			14.25	Nhất	
440	5	Bùi Thị Thanh Tâm	297	9A6	21/09/2010	KHTN	An Lư			14.25	Nhất	
441	6	Hà Hoàng Minh Tuấn	314	9A2	23/11/2010	KHTN	Phan Chu Trinh			13.75	Nhất	
442	7	Trịnh Phan Nguyên	277	9A6	14/02/2010	KHTN	Ngũ Lão			13.50	Nhì	
443	8	Lê Nguyễn Hạo Dương	231	9A4	15/09/2010	KHTN	Phan Chu Trinh			13.35	Nhì	
444	9	Phạm Trung Bảo An	198	9A2	23/06/2010	KHTN	An Lư			13.25	Nhì	
445	10	Nguyễn Ngọc Bảo	214	9A6	04/10/2010	KHTN	Ngũ Lão			13.25	Nhì	
446	11	Cao Đức Đại	222	9A4	17/07/2010	KHTN	Phan Chu Trinh			13.25	Nhì	
447	12	Đào Thị Quỳnh Chi	219	9A	06/08/2010	KHTN	Tân Dương			13.00	Nhì	
448	13	Ngô Minh Châu	217	9A1	18/01/2010	KHTN	Lưu Kiếm			12.10	Nhì	
449	14	Vũ Mạnh Nguyên	280	9A5	11/02/2010	KHTN	Trần Hưng Đạo			11.85	Nhì	
450	15	Bùi Trần Hoàng Việt	321	9A1	25/2/2010	KHTN	Minh Đức			11.85	Nhì	
451	16	Chu Văn Tuyền	316	9A2	17/08/2010	KHTN	Phục Lễ			11.75	Nhì	
452	17	Nguyễn Đắc Việt	322	9A1	03/12/2021	KHTN	Thiên Hương			11.75	Nhì	
453	18	Bùi Ngọc Hà	237	9A	22/07/2010	KHTN	Tân Dương			11.50	Nhì	
454	19	Chu Thanh Hằng	240	9A4	20/09/2010	KHTN	Phan Chu Trinh			11.50	Nhì	
455	20	Phạm Ngọc Mai	265	9A1	25/05/2010	KHTN	Phục Lễ			11.50	Nhì	

STT	TT	Họ và tên	Số BD	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	LT	TH	Điểm tổng	Xếp giải	Ghi chú
456	21	Phùng Thị Diễm Quỳnh	296	9A2	23/09/2010	KHTN	Lại Xuân			11.50	Nhì	
457	22	Trần Quốc Hoàn	244	9A4	26/01/2010	KHTN	Phan Chu Trinh			11.35	Nhì	
458	23	Đông Khánh Ngọc	275	9A1	04/08/2010	KHTN	Hoa Động			11.35	Nhì	
459	24	Nguyễn Đức Anh	209	9A	14/11/2010	KHTN	Tân Dương			11.25	Nhì	
460	25	Nguyễn Tuấn Kiệt	254	9A1	20/12/2010	KHTN	Lưu Kiếm			11.25	Nhì	
461	26	Lương Đức Vinh	323	9A1	28/2/2010	KHTN	Minh Đức			11.00	Nhì	
462	27	Đào Minh Anh	210	9A	04/08/2010	KHTN	Tân Dương			10.75	Ba	
463	28	Trần Đức Huy	249	9A1	31/08/2010	KHTN	Chính Mỹ			10.75	Ba	
464	29	Phạm Khôi Nguyên	278	9A3	01/11/2010	KHTN	Phục Lễ			10.75	Ba	
465	30	Đỗ Hải Phong	287	9A2	21/12/2010	KHTN	Phan Chu Trinh			10.75	Ba	
466	31	Nguyễn Tiến Dũng	230	9A1	19/03/2010	KHTN	Lê Ích Mộc			10.60	Ba	
467	32	Nguyễn Phú Hưng	246	9A2	22/04/2010	KHTN	Lưu Kiếm			10.60	Ba	
468	33	Đào Thị Hương My	269	9A1	28/02/2010	KHTN	Kiên Bái			10.25	Ba	
469	34	Đỗ Thanh Trúc	312	9A2	13/02/2010	KHTN	Nguyễn Văn Cừ			10.20	Ba	
470	35	Nguyễn Quỳnh Hương	247	9A3	02/11/2010	KHTN	Lại Xuân			9.85	Ba	
471	36	Nguyễn Bùi Đăng Khoa	252	9A1	03/01/2010	KHTN	Dương Quan			9.85	Ba	
472	37	Lại Đoàn Như Ngọc	276	9C	11/10/2010	KHTN	Tam Hưng			9.85	Ba	
473	38	Nguyễn Thị Ngọc Khánh	251	9A1	19/01/2010	KHTN	Kiên Bái			9.75	Ba	
474	39	Bùi Anh Tuấn	315	9A1	20/09/2010	KHTN	Thiên Hương			9.75	Ba	
475	40	Nguyễn Văn Trường Uy	318	9A4	29/11/2010	KHTN	Trần Nhật Duật			9.75	Ba	
476	41	Nguyễn Hồng Phúc	289	9A1	06/08/2010	KHTN	Chính Mỹ			9.70	Ba	

STT	TT	Họ và tên	Số BD	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	LT	TH	Điểm tổng	Xếp giải	Ghi chú
477	42	Nguyễn Hải Đăng	223	9A	24/04/2010	KHTN	Minh Tân			9.60	Ba	
478	43	Đào Khánh Ly	264	9A4	26/7/2010	KHTN	Trần Nhật Duật			9.50	Ba	
479	44	Phạm Mai Phương	294	9A2	20/08/2010	KHTN	Phục Lễ			9.50	Ba	
480	45	Đồng Tiến Thành	301	9A1	11/11/2010	KHTN	Lâm Động			9.50	Ba	
481	46	Phạm Ngọc Tiến	304	9A2	05/11/2010	KHTN	Phan Chu Trinh			9.35	Ba	
482	47	Phạm Minh Vương	325	9A3	16/05/2010	KHTN	Phục Lễ			9.35	Ba	
483	48	Trần Anh Tú	313	8A5	28/01/2011	KHTN	Hòa Bình			9.35	Ba	
484	49	Đỗ Đăng Nguyên	279	9A1	30/11/2010	KHTN	Trần Hưng Đạo			9.25	Ba	
485	50	Phạm Thị Hải Yến	327	9A1	29/12/2010	KHTN	Hòa Bình			9.25	Ba	
486	51	Phạm Văn An	199	9A	2/3/2010	KHTN	Cao Nhân			9.10	Ba	
487	52	Đào Trọng Minh	267	9A1	5/1/2010	KHTN	Lê Ích Mộc			9.10	Ba	
488	53	Đỗ Đăng Xuân Nhất	283	9A1	07/05/2010	KHTN	Kỳ Sơn			9.10	Ba	
489	54	Lê Lý Hoàng Anh	205	9A1	01/08/2010	KHTN	Lưu Kiếm			9.00	Khuyến khích	
490	55	Trần Ngọc Bảo	215	9A	31/01/2010	KHTN	Tam Hưng			9.00	Khuyến khích	
491	56	Phạm Thành Đạt	225	9A3	18/12/2010	KHTN	Hoàng Động			9.00	Khuyến khích	
492	57	Vũ Anh Đức	229	9A1	09/08/2010	KHTN	Lưu Kiếm			9.00	Khuyến khích	
493	58	Lê Thị Mai Trang	308	9A1	12/05/2010	KHTN	Dương Quan			9.00	Khuyến khích	
494	59	Đỗ Trung Kiên	253	9A5	09/08/2010	KHTN	Ngũ Lão			8.90	Khuyến khích	
495	60	Đỗ Hữu Đạt	226	9A1	16/12/2010	KHTN	Minh Đức			8.85	Khuyến khích	
496	61	Đình Chính Cường	220	9A	01/02/2010	KHTN	Phả Lễ			8.75	Khuyến khích	
497	62	Nguyễn Đăng Phương	292	9A1	07/5/2010	KHTN	Minh Đức			8.75	Khuyến khích	

STT	TT	Họ và tên	Số BD	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	LT	TH	Điểm tổng	Xếp giải	Ghi chú
498	63	Nguyễn Ngọc Thạch	298	9A1	27/02/2010	KHTN	Trần Hưng Đạo			8.75	Khuyến khích	
499	64	Nguyễn Văn Ứng	317	9A1	21/07/2010	KHTN	Phan Chu Trinh			8.75	Khuyến khích	
500	65	Đình Trần Huy	250	9A4	03/01/2010	KHTN	Lại Xuân			8.60	Khuyến khích	
501	66	Trần Đức Nam	271	9A6	22/04/2010	KHTN	An Lư			8.60	Khuyến khích	
502	67	Phạm Thị Huyền Trang	310	9A2	27/06/2010	KHTN	Lê Ích Mộc			8.60	Khuyến khích	
503	68	Vũ Đức Hải Nam	272	9A1	06/07/2010	KHTN	Kỳ Sơn			8.50	Khuyến khích	
504	69	Lê Công Phong	286	9A2	26/07/2010	KHTN	Dương Quan			8.50	Khuyến khích	
505	70	Đỗ Mạnh Phú	288	9A	18/10/2010	KHTN	Cao Nhân			8.50	Khuyến khích	
506	71	Nguyễn Lê Tùng Lâm	257	9A2	27/12/2010	KHTN	Lưu Kiếm			8.45	Khuyến khích	
507	72	Lại Thế Bảo	216	9A	17/06/2010	KHTN	Tam Hưng			8.35	Khuyến khích	
508	73	Trịnh Hoàng Minh	266	9A1	14/08/2010	KHTN	Hòa Bình			8.25	Khuyến khích	
509	74	Lê Nguyễn Phương Linh	261	9A4	18/08/2010	KHTN	Lưu Kiếm			8.25	Khuyến khích	
510	75	Đoàn Nguyễn Phương Vi	319	9A1	06/01/2010	KHTN	Hòa Bình			8.25	Khuyến khích	
511	76	Đoàn Xuân Thái	299	9A1	10/8/2010	KHTN	Lê Ích Mộc			8.20	Khuyến khích	
512	77	Nguyễn Ngọc Hà Phương	293	9A5	08/04/2010	KHTN	Ngũ Lão			8.00	Khuyến khích	
513	78	Lại Quý Thành	300	9A1	21/07/2010	KHTN	Kỳ Sơn			8.00	Khuyến khích	
514	79	Trần Đoàn Mai Anh	201	9A1	26/08/2010	KHTN	Hòa Bình			8.00	Khuyến khích	
515	80	Hà Băng Vĩ	320	9B	09/10/2010	KHTN	Phả Lễ			8.00	Khuyến khích	
516	1	Vũ Thị Duyên	126	9A	03/07/2010	GDCD	Minh Tân			10.00	Nhất	
517	2	Đoàn Hương Giang	128	9A6	01/09/2010	GDCD	Ngũ Lão			10.00	Nhất	
518	3	Đình Thị Mai Linh	150	9A1	21/12/2010	GDCD	Lê Ích Mộc			10.00	Nhất	

STT	TT	Họ và tên	Số BD	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	LT	TH	Điểm tổng	Xếp giải	Ghi chú
519	4	Dương Đàm Thảo Anh	110	9A4	17/7/2010	GDCD	Lê Ích Mộc			9.82	Nhất	
520	5	Phạm Thị Quỳnh Anh	117	9A1	10/01/2010	GDCD	Thiên Hương			9.82	Nhất	
521	6	Nguyễn Thành Vinh	193	9A6	20/01/2010	GDCD	Nguyễn Văn Cừ			9.82	Nhất	
522	7	Nguyễn Huy Bách	121	9A1	27/07/2010	GDCD	Thiên Hương			9.71	Nhì	
523	8	Nguyễn Thuỳ Dung	125	9A1	19/02/2010	GDCD	Quảng Thanh			9.71	Nhì	
524	9	Lê Thị Thuỳ Trang	187	9A1	28/07/2010	GDCD	Thiên Hương			9.71	Nhì	
525	10	Nguyễn Bùi Mỹ An	105	9A3	04/10/2010	GDCD	Lê Ích Mộc			9.64	Nhì	
526	11	Đào Việt Anh	112	9A1	28/4/2010	GDCD	Minh Đức			9.54	Nhì	
527	12	Bùi Thị Phương Linh	151	8A2	09/06/2011	GDCD	Ngũ Lão			9.54	Nhì	
528	13	Bùi Minh Phương	172	9A1	11/08/2010	GDCD	Lê Ích Mộc			9.54	Nhì	
529	14	Nguyễn Khánh Vy	194	9A	24/07/2010	GDCD	Minh Tân			9.54	Nhì	
530	15	Nguyễn Thị Hải Anh	116	9B	31/03/2010	GDCD	Tân Dương			9.43	Nhì	
531	16	Nguyễn Ngọc Lan	146	9A5	21/11/2010	GDCD	Lưu Kiếm			9.43	Nhì	
532	17	Đỗ Dương Gia Ly	157	8A1	22/06/2011	GDCD	Ngũ Lão			9.43	Nhì	
533	18	Trần Thị Khánh Ngọc	164	9A1	19/12/2010	GDCD	Hòa Bình			9.43	Nhì	
534	19	Đỗ Diễm Quỳnh	174	9A1	13/07/2010	GDCD	Ngũ Lão			9.43	Nhì	
535	20	Nguyễn Duy Tuấn	188	9C	28/04/2010	GDCD	Tân Dương			9.39	Nhì	
536	21	Nguyễn Thị Yên Nhi	169	9A1	29/08/2010	GDCD	Kiên Bái			9.36	Ba	
537	22	Vũ Thị Hải Yên	197	9A	18/12/2010	GDCD	Minh Tân			9.36	Ba	
538	23	Nguyễn Phương Linh	149	9A4	14/1/2010	GDCD	Lê Ích Mộc			9.25	Ba	
539	24	Lê Nguyễn Trà My	162	9A1	29/10/2010	GDCD	Quảng Thanh			9.25	Ba	

STT	TT	Họ và tên	Số BD	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	LT	TH	Điểm tổng	Xếp giải	Ghi chú
540	25	Hoàng Thị Trà My	161	9A2	21/06/2010	GDCD	Minh Đức			9.14	Ba	
541	26	Bùi Nguyễn Thảo Nguyên	167	9A1	23/06/2010	GDCD	Hoa Động			9.11	Ba	
542	27	Nguyễn Thu Trang	185	9A1	24/10/2010	GDCD	Trần Nhật Duật			9.11	Ba	
543	28	Hoàng Minh Anh	109	9A2	15/04/2010	GDCD	Lại Xuân			9.07	Ba	
544	29	Bùi Thế Long	154	9A3	07/05/2010	GDCD	Minh Đức			9.07	Ba	
545	30	Nguyễn Thị Phương Thảo	176	9A1	14/3/2010	GDCD	Trần Nhật Duật			9.07	Ba	
546	31	Phạm Thị Quỳnh Hoa	134	9A	21/08/2010	GDCD	Minh Tân			8.96	Ba	
547	32	Nguyễn Thị Khánh Ly	156	9A	26/04/2010	GDCD	Minh Tân			8.96	Ba	
548	33	Đinh Thị Bích Ngọc	166	9A4	09/19/2010	GDCD	Quảng Thanh			8.96	Ba	
549	34	Nguyễn Thị Khánh Linh	153	9A4	04/07/2010	GDCD	Trần Hưng Đạo			8.93	Ba	
550	35	Bùi Vũ Kiều Oanh	170	8A2	22/07/2011	GDCD	Ngũ Lão			8.93	Ba	
551	36	Nguyễn Thị Yên	196	9A1	10/03/2010	GDCD	Dương Quan			8.93	Ba	
552	37	Đỗ Thị Thanh Hoa	135	9A1	09/11/2010	GDCD	Nguyễn Văn Cừ			8.89	Ba	
553	38	Vũ Văn Quang Vinh	192	9A1	31/03/2010	GDCD	Minh Đức			8.89	Ba	
554	39	Cù Khánh Huyền	141	9A1	28/12/2010	GDCD	Minh Đức			8.86	Ba	
555	40	Lê Ngọc Trâm	184	9A1	27/11/2010	GDCD	Quảng Thanh			8.86	Ba	
556	41	Nguyễn Thị Ngọc Anh	115	9A	06/03/2010	GDCD	Tân Dương			8.82	Khuyến khích	
557	42	Phạm Hương Giang	127	9A5	5/1/2010	GDCD	Lưu Kiếm			8.82	Khuyến khích	
558	43	Tô Bảo Lâm	145	9A1	02/8/2010	GDCD	Trần Nhật Duật			8.82	Khuyến khích	
559	44	Nguyễn Hà Phương Anh	111	9A6	02/03/2010	GDCD	Lưu Kiếm			8.79	Khuyến khích	

STT	TT	Họ và tên	Số BD	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	LT	TH	Điểm tổng	Xếp giải	Ghi chú
560	45	Trần Thị Hải An	104	9A2	03/08/2010	GDCD	Hòa Bình			8.75	Khuyến khích	
561	46	Phạm Hoàng Khánh Linh	147	9A	02/11/2010	GDCD	Cao Nhân			8.75	Khuyến khích	
562	47	Nguyễn Thị Thanh Xuân	195	9A2	28/04/2010	GDCD	Thủy Đường			8.75	Khuyến khích	
563	48	Phùng Văn Bách	120	9D1	03/03/2010	GDCD	Liên Khê			8.71	Khuyến khích	
564	49	Vũ Bình Minh	159	9A5	05/10/2010	GDCD	Hòa Bình			8.71	Khuyến khích	
565	50	Nguyễn Thị Anh Thư	180	9A2	26/01/2010	GDCD	Minh Đức			8.68	Khuyến khích	
566	51	Phạm Thị Ngọc Anh	113	9A6	23/10/2010	GDCD	Nguyễn Văn Cừ			8.64	Khuyến khích	
567	52	Phạm Minh Khoa	142	8A1	30/07/2011	GDCD	Ngũ Lão			8.64	Khuyến khích	
568	53	Hoàng Khánh Ly	155	9A3	03/01/2010	GDCD	Hoàng Động			8.64	Khuyến khích	
569	54	Đào Thị Anh Thư	181	9A5	27/04/2010	GDCD	Trần Hưng Đạo			8.64	Khuyến khích	
570	55	Đình Đức Hoàng Anh	108	9A1	26/04/2010	GDCD	Trần Nhật Duật			8.54	Khuyến khích	
571	56	Bùi Thị Ngọc Ánh	119	9A6	13/03/2010	GDCD	Nguyễn Văn Cừ			8.43	Khuyến khích	
572	57	Nguyễn Thu Hiền	133	9A5	08/07/2010	GDCD	An Lư			8.43	Khuyến khích	
573	58	Nguyễn Ngọc Huyền	138	9A2	09/03/2010	GDCD	Thủy Đường			8.43	Khuyến khích	
574	59	Lê Thị Mai Phương	173	9A5	24/03/2010	GDCD	Lưu Kiếm			8.43	Khuyến khích	
575	60	Đoàn Thị Phương Thảo	177	9A2	11/07/2010	GDCD	Hoàng Động			8.43	Khuyến khích	
576	61	Lê Thị Trang	186	9D1	30/04/2010	GDCD	Liên Khê			8.43	Khuyến khích	
577	62	Đàm Gia Hân	132	9A1	26/09/2010	GDCD	Lâm Động			8.43	Khuyến khích	